CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng

Ngày 31/12/2024	13,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	38.5%	**47.8%**	**35.7%**

DT thuần
Q4/24
8.90
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.16| 15.0%
YoY: ▼3.50| -28.2%

LN thuần
Q4/24
-0.71
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.84| -648%
YoY: ▲ 0.70| 49.5%

LN sau thuế
Q4/24
0.61
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.51| 506%
YoY: ▲ 2.02| 143%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
1.5%
YoY: +/-▲ 4.6%

ROE
2024
0.6%
YoY: +/-▲ 5.0%

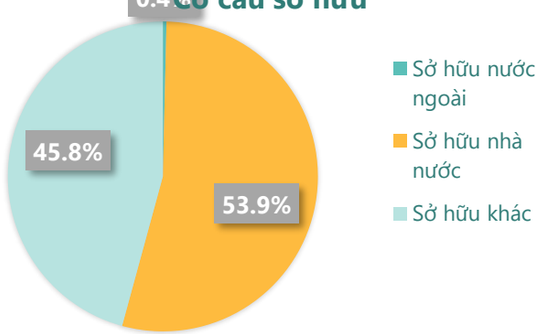
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,600 - 13,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	27
Số lượng CPLH (CP)	2,016,385
KLGD BQ 20 phiên (CP)	20
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	(0.01)
EPS	116
P/E	114.6

DT thuần
2024
31.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼25.5| -45.0%

LN thuần
2024
-1.03
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.72| 41.2%

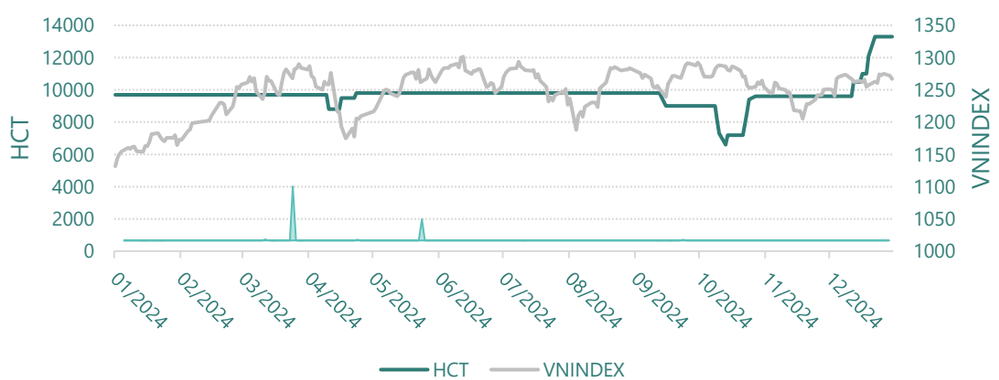
LN sau thuế
2024
0.22
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.97| 112%

Cơ cấu sở hữu

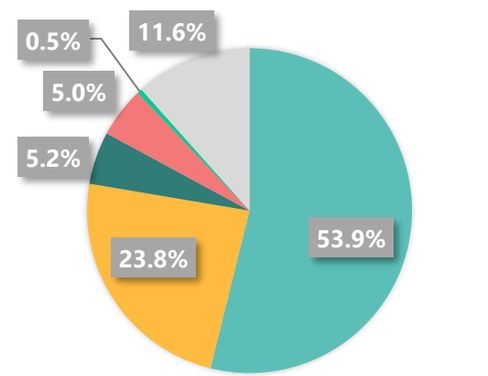


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

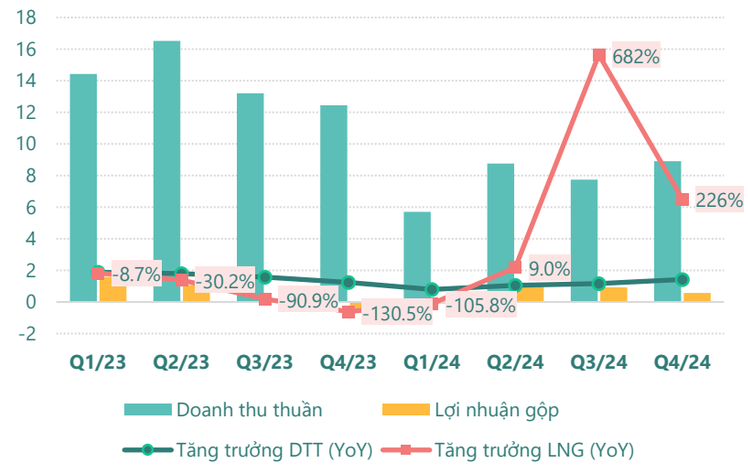


Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
Nguyễn Tuấn Anh (Thành viên HĐQT)
Nguyễn Thị Huyền Nhung
Nguyễn Đặng Bảo Linh
Vũ Châu Thành (Thành viên HĐQT)
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

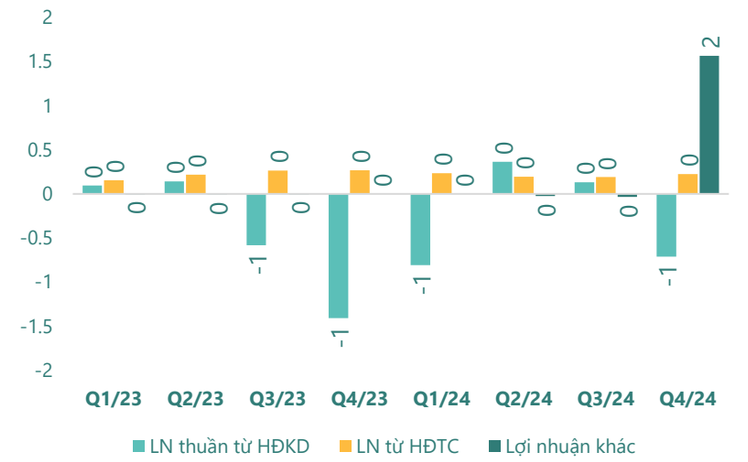
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



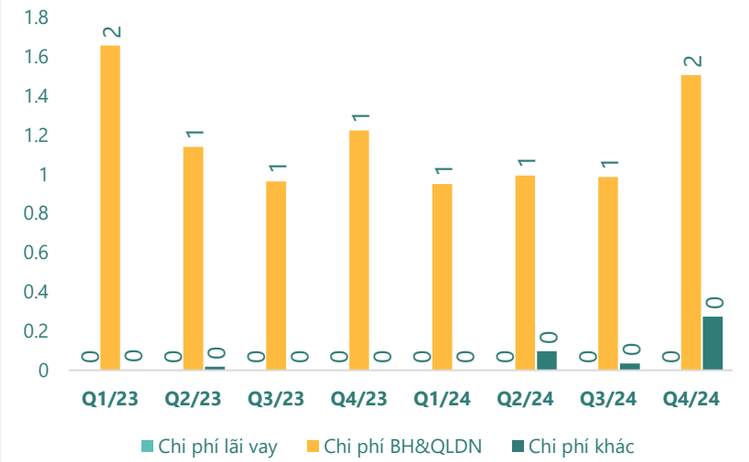
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



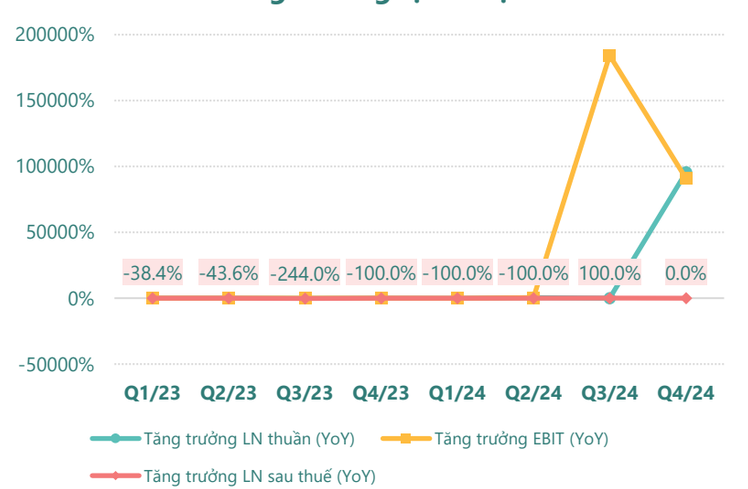
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



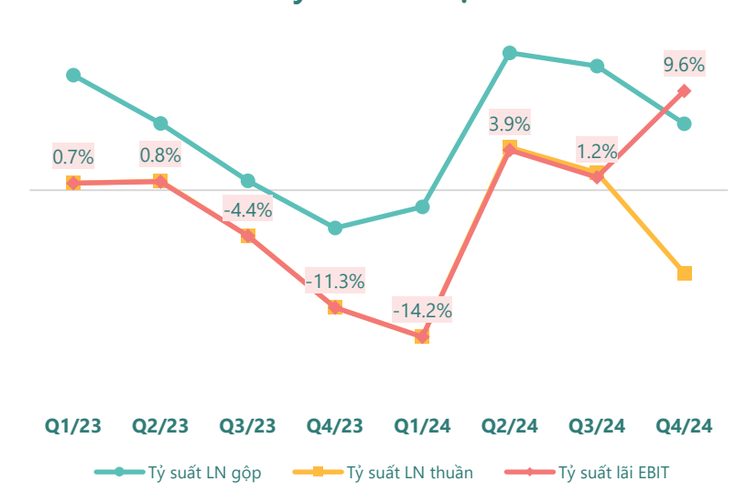
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



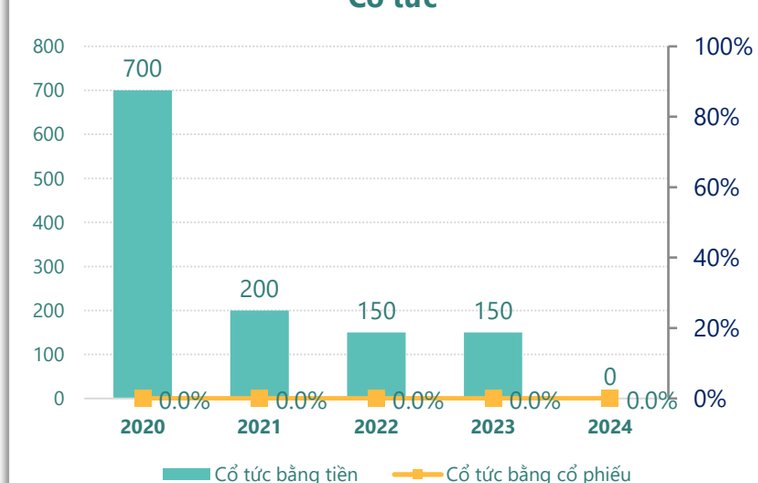
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

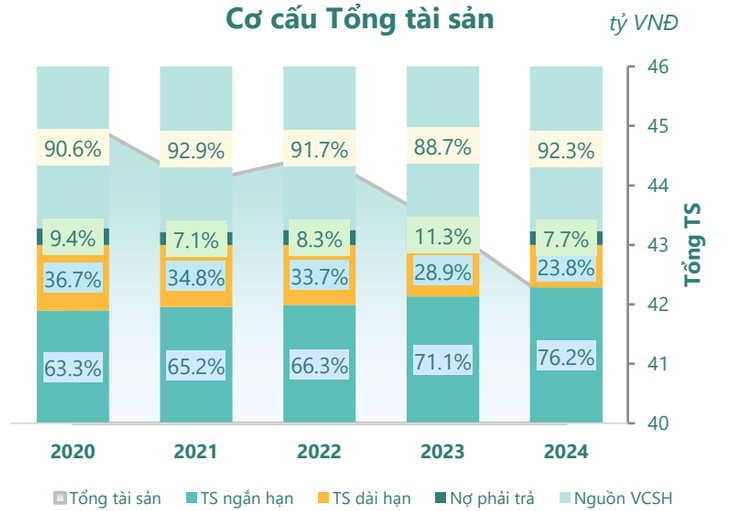
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

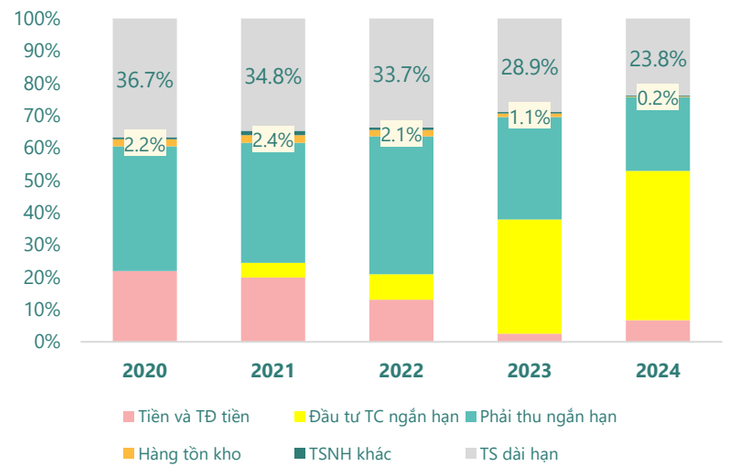
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



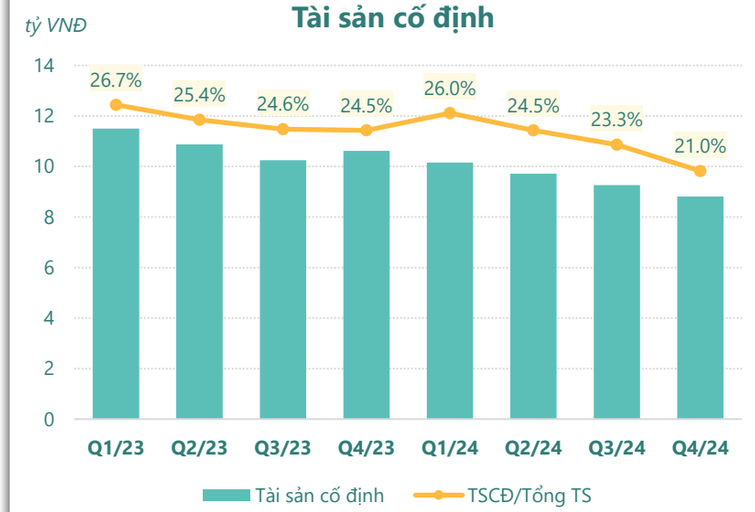
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



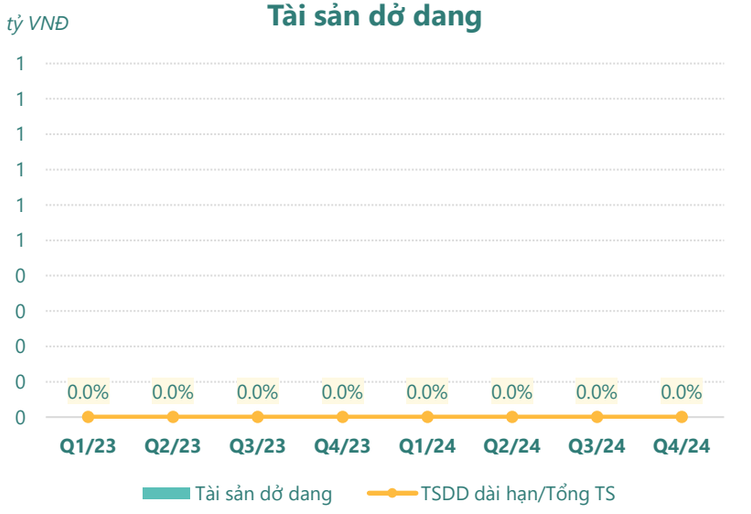
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



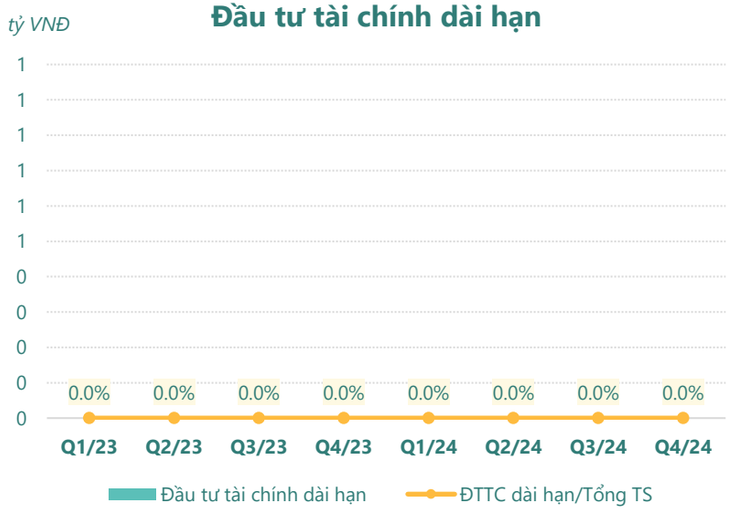
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



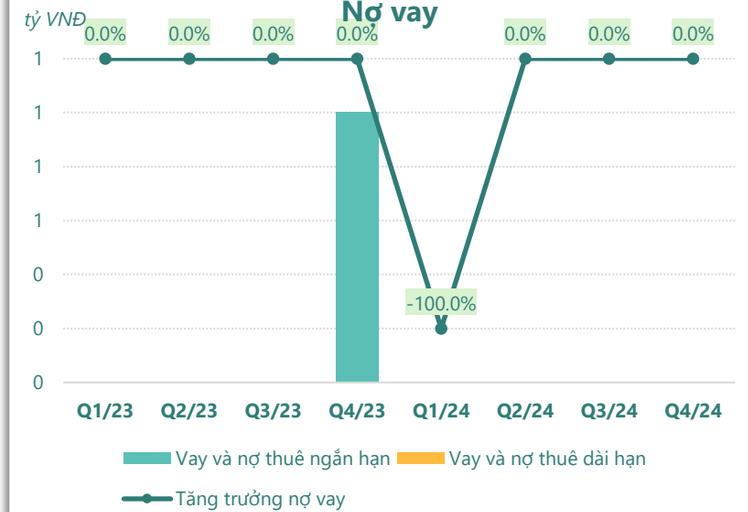
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

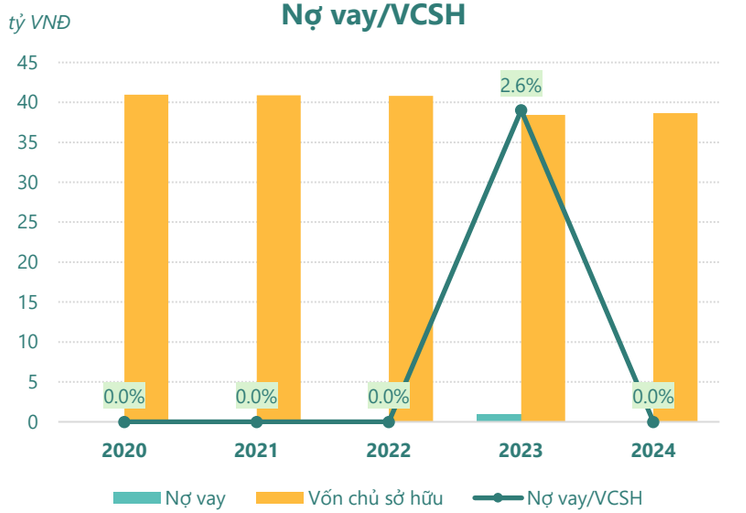
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

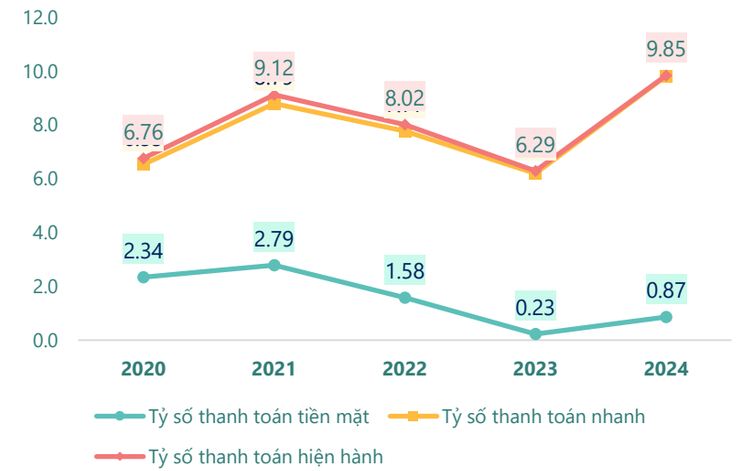
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



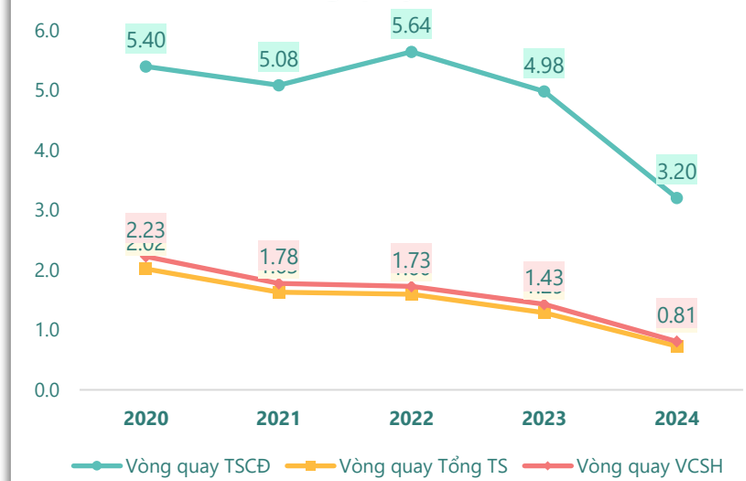
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



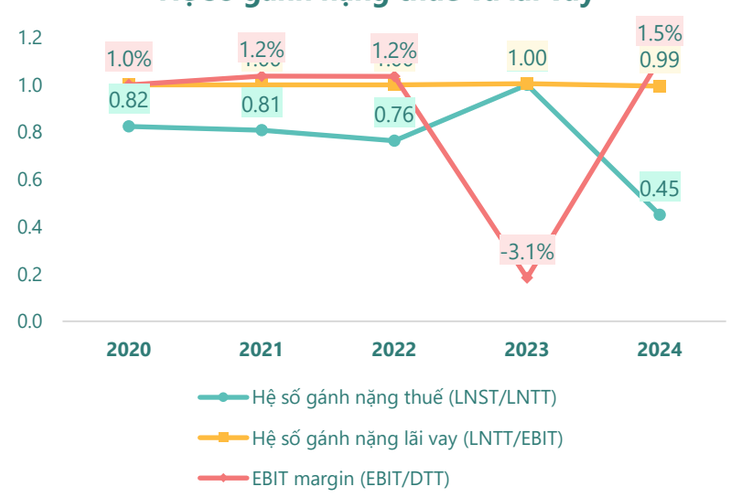
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



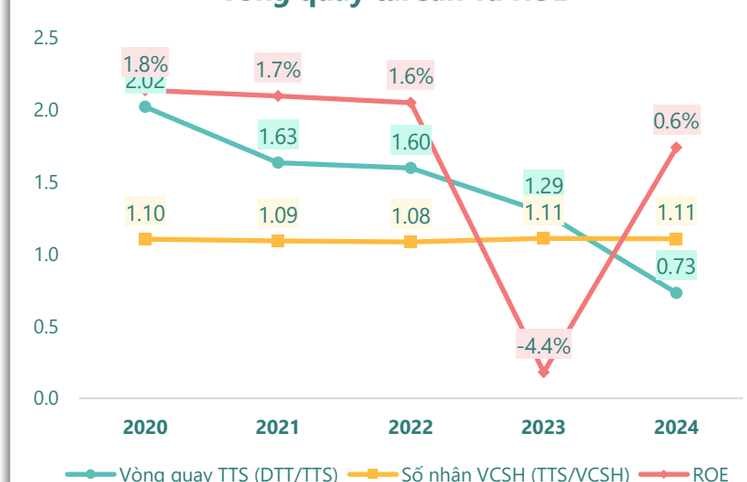
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



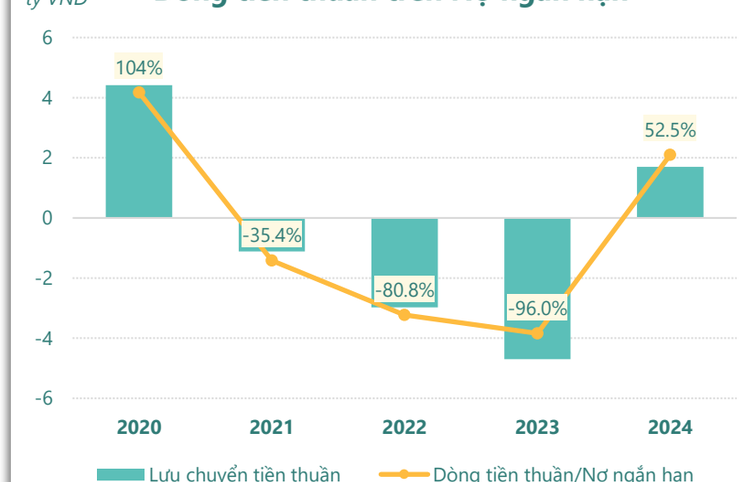
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**8.90**	**12.4**	**-28.2%**	**31.1**	**56.6**	**-45.0%**
Giá vốn hàng bán	8.33	12.9	-35.4%	28.5	54.3	-47.5%
Lợi nhuận gộp	0.57	-0.45	227%	2.61	2.32	12.4%
Doanh thu HĐTC	0.22	0.28	-20.3%	0.85	0.91	-7.1%
Chi phí TC	0	0.01	-100%	0.00	0.01	-69.0%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.00	0.01	-69.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.26	0.44	-40.1%	0.96	1.59	-39.6%
Chi phí QLDN	**1.24**	**0.79**	**57.3%**	**3.52**	**3.39**	**4.1%**
LN thuần từ HĐKD	-0.71	-1.41	49.5%	-1.03	-1.75	41.2%
Lợi nhuận khác	**1.56**	**0.00**		**1.51**	**0.00**	**32332%**
LN trước thuế	0.85	-1.41	160%	0.48	-1.75	127%
Lợi nhuận sau thuế	**0.61**	**-1.41**	**143%**	**0.22**	**-1.75**	**112%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.61**	**-1.41**	**143%**	**0.22**	**-1.75**	**112%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	4.46	0.70	-1.17	-0.17	0.48	4.81
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.34	-1.08	1.88	0.17	-1.24	-3.16
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.02	-0.62	-1.00	0	1.00	0.10
Tiền đầu kỳ	1.96	2.10	1.11	0.82	0.82	1.06
Lưu chuyển tiền thuần	**0.14**	**-1.00**	**-0.29**	**0.00**	**0.24**	**1.75**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.10	1.11	0.82	0.82	1.06	2.81

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**41.9**	**43.3**	**-3.4%**
Tài sản ngắn hạn	31.9	30.8	3.5%
Tiền và tương đương tiền	2.81	1.11	154%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	19.3	15.3	26.4%
Phải thu ngắn hạn	9.54	13.7	-30.4%
Hàng tồn kho	0.06	0.47	-86.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0.13	0.22	-43.7%
Tài sản dài hạn	**9.99**	**12.5**	**-20.2%**
Phải thu dài hạn	0	0.00	-100%
Tài sản cố định	8.81	10.6	-16.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**1.18**	**1.91**	**-38.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3.19	4.90	-34.8%
Nợ ngắn hạn	**3.19**	**4.90**	**-34.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	1.00	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.77	1.74	-55.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**38.7**	**38.4**	**0.6%**
Vốn chủ sở hữu	**38.7**	**38.4**	**0.6%**
Vốn điều lệ	20.2	20.2	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)